

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14074 /KSBT-TMS

Bến Tre, ngày 17 tháng 6 năm 2025

V/v mời báo giá mua sắm vắc xin dịch vụ
phục vụ nhu cầu chuyên môn
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Kính gửi: Quý nhà cung cấp.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre đang có nhu cầu mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Để có cơ sở lựa chọn nhà cung ứng vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre mời các Quý nhà cung cấp gửi Hồ sơ báo giá cho Trung tâm (Đính kèm Hồ sơ yêu cầu báo giá).

- Hồ sơ tham gia báo giá của nhà cung cấp nộp gồm:

+ Bản gốc báo giá;

+ Tài liệu liên quan: các hồ sơ pháp lý của sản phẩm.

- Yêu cầu hiệu lực báo giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Thời gian gửi báo giá chậm nhất: 08 giờ 00 phút ngày 23/6/2025.

- Hình thức gửi: Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre – Địa chỉ: Số 230, Đường Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoặc gửi trước Bản scan đến địa chỉ email: tomuasamcdc@gmail.com.

- Mọi chi tiết xin liên hệ: Khoa Dược-VTTYT, SĐT: 02753.822353.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng TCHC (CNTT) để đăng tin;
- Lưu: VT, TMS.



Nguyễn Hữu Định

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên nội dung mua sắm:	Mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
Phát hành ngày:	17/6/2025

MỤC LỤC

Chương I. YÊU CẦU NỘP YÊU CẦU BÁO GIÁ.....	4
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU	7
Chương III. BIỂU MẪU	10
Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	13
PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA	17

Chương I. YÊU CẦU NỘP YÊU CẦU BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên đơn vị mời báo giá là: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.
2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre mời nhà cung cấp tham gia nộp chào giá mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật nhằm phục vụ công tác tiêm phòng vắc xin cho người dân tại Trung tâm trong vòng 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.
3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua nêu tại Chương II và Phụ lục Phạm vi cung cấp hàng hóa của yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Số lượng: gồm 08 mặt hàng, **xét theo từng mặt hàng.**
6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Yêu cầu báo giá mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Mục 3. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa chào giá được coi là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Phải có xuất xứ rõ ràng và được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam
2. Phải phù hợp, đủ, đúng chuẩn các đặc tính kỹ thuật, phân nhóm kỹ thuật theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
3. Phải có các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định.

Mục 4. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III.
2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất trực tiếp vào đơn chào hàng. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức

giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 5. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Cam kết thực hiện cung cấp cho việc mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Bảng giá chào theo Mẫu số 03 Chương III;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp và của người ký đơn chào hàng;
5. Giấy ủy quyền ký đơn chào hàng (nếu có);
6. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ, sự phù hợp của hàng hóa.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm Yêu cầu báo giá.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử trước 08 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

- Địa chỉ nộp báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre;
Địa chỉ: 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre,
điện thoại: 02753.822353.

- Email tiếp nhận báo giá: tomuasamcdc@gmail.com.

Các báo giá được gửi đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà cung cấp.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre so sánh các báo giá theo yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Tổ Mua sắm có thể mời nhà cung cấp có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt được chọn cung cấp

Nhà cung cấp được đánh giá có đủ tư cách hợp lệ được xem xét, đề nghị được cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong yêu cầu báo giá;
2. Có đầy đủ tài liệu chứng minh đúng tính hợp lệ và sự phù hợp của hàng;
3. Hàng hóa đáp ứng với yêu cầu về tên hàng hóa, đặc điểm kỹ thuật và phân nhóm kỹ thuật;

4. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật được phê duyệt.

5. Trong trường hợp có 2 nhà cung cấp trở lên có giá đánh giá bằng nhau, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ chọn mặt hàng theo thứ tự ưu tiên sau:

- Chọn Nhà cung cấp có nhiều mặt hàng tham gia chào hàng hơn.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện và được đăng tải trên trang Website Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU

1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa kèm theo yêu cầu báo giá kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. (Tuy nhiên, số lượng tại phụ lục này Trung tâm sẽ mua theo nhu cầu thực tế).

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa

Kho Khoa Dược-Vật tư y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Địa chỉ: 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Với các nội dung chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		“Đạt”	“Không đạt”
1	Hàng hóa chào giá đúng mặt hàng, yêu cầu kỹ thuật, đơn vị tính của từng hàng hóa được nêu trong tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa	Hàng hoá hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa	Hàng hoá không đáp ứng yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa
2	Hàng hóa chào giá đáp ứng đúng phân nhóm theo Thông tư 07/2024/TT-BYT (nội dung cụ thể theo bảng phân nhóm kèm theo) ⁽¹⁾	Có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí của phân nhóm mà hàng hóa chào giá của nhà cung cấp tham dự	Không có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí của nhóm mà hàng hóa chào giá của nhà cung cấp tham dự
3	Hàng hóa phải có xuất xứ rõ ràng	+ Hàng hóa nhập khẩu: Phải có tờ khai hải quan + Hàng hóa sản xuất trong nước: phải có Bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm.	+ Hàng hóa nhập khẩu: không có tờ khai hải quan + Hàng hóa sản xuất trong nước: không có bất cứ một trong các tài liệu sau: Bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm.

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		“Đạt”	“Không đạt”
4	-Tiến độ cung cấp hàng hóa đúng yêu cầu, kịp thời, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, - Hạn sử dụng còn lại tính từ thời điểm giao hàng đúng quy định của yêu cầu báo giá	Có Bản cam kết theo mẫu số 02	Không có Bản cam kết theo mẫu số 02

Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi có tất cả các nội dung yêu cầu đều được đánh giá là đạt.

Hàng hóa được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu khi có một nội dung yêu cầu được đánh giá là không đạt.

Mặt hàng phải được cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu tại Yêu cầu báo giá - Mẫu số 03 Chương III.

(1) Hàng hóa dự thầu phân nhóm theo Thông tư 07/2024/TT-BYT:

1. Nhóm 1 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư này;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư này.

2. Nhóm 2 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

3. Nhóm 3 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

4. Nhóm 4 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

5. Nhóm 5 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi yêu cầu báo giá số [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói theo đúng yêu cầu của yêu cầu báo giá với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói.....].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gianngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI.....**

Ngày: _____

[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên: Mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi yêu cầu báo giá số *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]*, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện gói..... *[Ghi tên gói.....]* theo đúng yêu cầu của yêu cầu báo giá và sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Cung cấp hàng hóa đúng kỹ thuật, có chất lượng (đúng số đăng ký hoặc giáp phép nhập khẩu của hàng hóa chào giá) và đúng giá trong hợp đồng.

2. Cung ứng hàng hóa đúng tiến độ, đủ hàng hóa (chia thành từng đợt và đợt xuất theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật), cụ thể:

- Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng: Giao hàng tận nơi cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; đến tận kho Khoa Dược-Vật tư y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Địa chỉ: 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trong vòng 07 ngày theo từng đơn đặt hàng (trừ trường hợp đợt xuất có thỏa thuận)

- Hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp. Phải còn nguyên nhãn mác, tem, tuyệt đối không được cạo sửa, tẩy xóa. Các thông tin hàng hóa phải ghi trên bao bì, các thông tin đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ vận chuyển, bảo quản (nếu có).

- Cam kết cung cấp hàng hóa đủ hạn dùng (đối với hàng hóa có hạn sử dụng) tính từ thời điểm cung ứng hàng hóa cho đơn vị sử dụng, phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

3. Thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Nếu không thực hiện đúng những cam kết nêu trên, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và quy định của yêu cầu báo giá nêu trên.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Kính gửi:

Địa chỉ:Điện thoại: Fax: Email:

Tên nội dung mua sắm.....:

TT	Tên thương mại	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐK/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01												
Tổng cộng:												

....., ngày.....thángnăm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Hợp đồng số: _____

Gói.....:

- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-KSBT ngày tháng năm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.....

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và nhà cung cấp ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên Mua (sau đây gọi là Bên A)

Đại diện [ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Bên Bán (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà cung cấp (nếu có);
5. Yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng: Bên B sẽ giao hàng tận nơi cho Bên A đến tận kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trong vòng 03 -07 ngày theo từng đơn đặt hàng (Trừ trường hợp đột xuất)

Hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp. Phải còn nguyên nhãn mác, tem, tuyệt đối không được cạo sửa, tẩy xóa. Hàng hóa có nhãn hàng hóa đúng theo quy định của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Thủ tướng Chính Phủ. Các thông tin hàng hóa phải ghi trên bao bì, các thông tin đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ vận chuyển, bảo quản (nếu có).

Cam kết cung cấp hàng hóa đủ hạn dùng (đối với hàng hóa có hạn sử dụng) tính từ thời điểm cung ứng hàng hóa cho đơn vị sử dụng, phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

3. Thời gian thanh toán: Trong vòng không quá ngày khi có đủ chứng từ và hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên bán giao cho bên mua.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A sẽ lấy hàng tùy vào nhu cầu thực tế sử dụng của Bên A. Nếu mặt hàng nào Bên A nhận thấy không có nhu cầu sử dụng thì có thể không lấy hàng; hoặc lấy với số lượng đủ sử dụng, có thể không hết số lượng như đã kí kết hợp đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, nhà cung cấp giữ 02 bộ, bên mua giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
CUNG CẤP**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TRUNG
TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá của nhà cung cấp và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03 trong yêu cầu báo giá này].

PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Stt	Tên vắc xin	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Qdenga 0,5ml 1 Dose	5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Tiêm dưới da	Bột pha tiêm	Liều	1.000	
2	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	4	Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 đvqt	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Ống	2.000	
3	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	4	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Thuốc tiêm	Ống	10.000	
4	Prevenar 13 0,5ml Inj 1's	1	Mỗi liều đơn 0,5ml chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 μ g; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 μ g; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	2.700	

5	INDIRAB	5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero) $\geq 2,5$ IU	Tiêm bắp, tiêm trong da	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/Bơm tiêm/lọ/liều	6.000	
6	ABHAYRAB	5	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero) $\geq 2,5$ IU	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/Bơm tiêm/lọ/liều	10.000	
7	Vaxneuvance 0.5ML 1'S	1	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2mcg polysaccharid phế cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F, và 4mcg týp huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197 và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Hộp/lọ/liều/bơm tiêm	1.000	
8	Prevenar20 0.5ML 1'S	1	Mỗi liều đơn 0,5ml:Huyết thanh týp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Huyết thanh týp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg ; Huyết thanh týp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Huyết thanh týp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Huyết thanh týp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Huyết thanh týp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh týp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; (20 Cộng hợp phế cầu khuẩn – saccharid cộng hợp với CRM197)	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp/lọ/liều/bơm tiêm	1.000	
Tổng cộng 08 khoản								